

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1-VĨNH LONG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 09/01/2026

V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1-VĨNH LONG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Điệp

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Tuyết Nga

2. Bà Nguyễn Thị Út

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn An Phước - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1, tỉnh Vĩnh Long: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 09 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1-Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 330/2025/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2025, về việc: “*Tranh chấp Ly hôn, nuôi con*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 137/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Võ Thị H**, sinh ngày 25/01/1981

Địa chỉ: ấp Hoà 2, xã Nhơn P, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Trường G**, sinh ngày 01/01/1976 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 6/5 đường Z, phường Thanh Đ, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và biên bản không tiến hành hòa giải được cũng như tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay nguyên đơn chị Võ Thị H trình bày:

Chị H và anh G do tìm hiểu quen biết. Đến năm 2024 cả hai tiến tới hôn nhân, không có tổ chức đám cưới. Chị H và anh G có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long (nay là Ủy ban nhân dân

phường Thanh Đức, tỉnh Vĩnh Long) và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 17 ngày 02/4/2024.

Sau khi kết hôn thì chị H và anh G sinh sống cùng nhau bên nhà anh G, thời gian đầu chung sống hạnh phúc. Đến tháng 6 năm 2024, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi nhau dẫn đến vợ chồng rạn nứt và không còn tiếng nói chung trong mối quan hệ vợ chồng. Hiện nay, chị H đã bỏ ra ngoài sống, vì anh G có hành vi bạo lực gia đình, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Chị H nhận thấy không còn tình cảm yêu thương với anh G nên chị Võ Thị H yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Trường G.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 22/3/2024. Sau khi ly hôn, chị H yêu cầu tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hoàng N.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu anh G thực hiện cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Võ Thị H không yêu cầu giải quyết.

Tòa án đã tiến hành gửi thông báo thụ lý và thông báo về phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hai lần triệu tập hợp lệ anh Nguyễn Trường G đến Tòa án để tham dự phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, kết quả tổng đạt hai lần anh G đều nhận văn bản. Đến ngày giải quyết anh G không đến, không gửi bản khai ý kiến về việc chị H yêu cầu ly hôn, nuôi con với anh. Vì vậy căn cứ Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay:

Bị đơn anh Nguyễn Trường G vắng mặt phiên tòa lần hai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Chị Võ Thị H yêu cầu ly hôn, nuôi con đối với anh Nguyễn Trường G, anh G đăng ký hộ khẩu tại số 6/5 đường Z, phường Thanh Đ, tỉnh Vĩnh Long nên đây là quan hệ hôn nhân gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long được quy định tại Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và được sửa đổi bổ sung năm 2025

[1.2] Tòa án đã gửi quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập hai lần anh Nguyễn Trường G đến Tòa án giải quyết vụ kiện. Đến ngày xét xử lần 2 anh G vẫn vắng mặt không đến. Vì vậy căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố

tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất giải quyết vắng mặt anh Nguyễn Trường G.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị H yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Trường G, cả hai có kết hôn với nhau được Ủy ban nhân dân phường 5, Thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long (nay là Ủy ban nhân dân phường Thanh Đức, tỉnh Vĩnh Long) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 17 ngày 02/4/2024, nên đây là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2.2] Xét về mâu thuẫn vợ chồng, chị H khai vợ chồng thường xuyên cãi nhau dẫn đến vợ chồng rạn nứt, anh G thường xuyên bạo lực gia đình với chị, không quan tâm phụ nuôi con với chị. Hiện nay, chị H đã bỏ ra ngoài sống vợ chồng ly thân từ năm 2024 cho đến nay. Tại phiên tòa hôm nay anh G vắng mặt, Tòa án gửi văn bản tố tụng triệu tập anh G đến Tòa án giải quyết ly hôn, anh G có nhận văn bản của Tòa án, nhưng vẫn vắng mặt. Việc anh G không đến và không gửi bản khai ý kiến gì xem như anh G đã từ chối cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình. Xét vợ chồng chung sống phải yêu thương, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ lẫn nhau, nhưng tình cảm giữa chị H và anh G đã mâu thuẫn trầm trọng, hiện nay cả hai không còn sống chung, mỗi người sống một nơi, hôn nhân không đạt được. Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Võ Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Trường G có cơ sở chấp nhận quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2.3] Về nuôi con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 22/3/2024, hiện nay cháu Hoàng Nam đang sống chung với chị H, sau khi ly hôn chị H yêu cầu được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng con, anh G vắng mặt không có ý kiến gì về việc chị H yêu cầu nuôi con. Xét cháu Nguyễn Hoàng N còn nhỏ và đang sống ổn định với chị H. Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 22/3/2024 cho chị Võ Thị H tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp được quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình.

[2.4] Anh Nguyễn Trường G có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở anh G thực hiện quyền này. Anh G lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh G, được quy định tại Điều 82, 83 Luật hôn nhân gia đình.

[2.5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Võ Thị H không yêu cầu anh Nguyễn Trường G thực hiện cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.6] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Võ Thị H không yêu cầu giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, 35, 39, 147, 177, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025.

Căn cứ Điều 9, 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Võ Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Võ Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Trường G.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 22/3/2024 cho chị Võ Thị H tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng.

3. Anh Nguyễn Trường G có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở anh G thực hiện quyền này. Anh G lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh G.

4. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Võ Thị H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Võ Thị H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

6. Về án phí: Chị Võ Thị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng). Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0007346 ngày 27/10/2025 của cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long, chị Võ Thị H đã nộp xong 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Án xử sơ thẩm công khai báo cho đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Đối với người vắng

mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được thông báo, niêm yết theo quy định pháp luật tại nơi cư trú của người vắng mặt./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 1, tỉnh Vĩnh Long;
- Phòng THADS khu vực 1-Vĩnh Long;
- UBND nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SỞ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Hồng Điệp